

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-PT
Ngày 11-01-2021
V/v Kiện đòi tài sản, yêu cầu bồi
thường thiệt hại về sức khỏe

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuệ

Các Thẩm phán: Ông Hồ Đức Châm

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

-Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà
Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2020/TLPT-DS, ngày 26 tháng 10 năm
2020 về kiện đòi tài sản, yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2020
của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 97/2020/QĐ-PT, ngày 15
tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2020/QĐ-PT ngày 31
tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đồng Thị H, sinh năm 1973; nơi đăng ký hộ khẩu thường
trú: Phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi tạm trú: Đường Đ, phường C,
thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Đường L, phường
T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn T, sinh năm 1979; địa chỉ: Đường L, phường V, thành phố
L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Đồng Kim L (mẹ bà Đồng Thị H), sinh năm 1948; địa chỉ: Thôn C, xã
T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Liễu Tuyết M, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn C, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Bà Liễu Thị Y; địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đồng Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về việc mua bán kinh doanh cây cảnh: Năm 2019, bà Đồng Thị H và ông Nguyễn Thành Đ cùng nhau hợp tác buôn bán kinh doanh cụ thể là mua bán cây cảnh, hai bên thỏa thuận mỗi bên tự tìm cây và thông báo cho nhau giá gốc để hai bên cùng thỏa thuận giá bán cho khách. Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh, lãi được bao nhiêu chia đôi, lỗ thì cùng chịu. Cụ thể:

Chuyến thứ nhất: Từ ngày 03/3/2019 đến 16/3/2019, mua 16 cây Long Nảo, ông Nguyễn Thành Đ thu được 76.000.000 đồng, bà Đồng Thị H thu được 57.500.000 đồng; sau khi trừ đi các khoản chi phí phát sinh 39.720.000 đồng, còn lại 17.780.000 đồng; mỗi người được lãi 8.890.000 đồng; cộng với 760.000 đồng là tiền bà Đồng Thị H phải bù vào tiền thu và chi còn âm; tổng cộng ông Nguyễn Thành Đ phải đưa cho bà Đồng Thị H 9.650.000 đồng. Ông Nguyễn Thành Đ cho rằng ông đã thanh toán trực tiếp khoản tiền 9.650.000 đồng cho bà Đồng Thị H tại nơi buôn bán với nhau; còn bà Đồng Thị H cho rằng khoản tiền trên bà chưa được nhận từ ông Nguyễn Thành Đ.

Chuyến thứ hai: Ngày 16/4/2019, mua 20 cây Long nảo và 01 cây Sung, 01 cây Si tại nhà ông Triệu Văn T, xã T, huyện C. Bà Đồng Thị H cho rằng, bà thu được 15.000.000 đồng; ông Nguyễn Thành Đ thu được 60.000.000 đồng; sau khi trừ đi các khoản chi phí phát sinh 72.235.000 đồng, còn lại 2.765.000 đồng; mỗi người được lãi 1.132.000 đồng; tuy nhiên, hiện nay ông Nguyễn Thành Đ đang giữ 13.500.000 đồng; bà Đồng Thị H yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà số tiền trên để bà trả tiền thuê máy cẩu cho ông Ngô Văn T là 14.000.000 đồng; bà sẽ có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Thành Đ 1.132.000 đồng. Còn ông Nguyễn Thành Đ cho rằng bà Đồng Thị H đưa ra các khoản chi phí phát sinh không chính xác nên ông không chấp nhận.

Chuyến thứ ba: Ngày 24/4/2019, mua 17 cây Sưa tại thôn N, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Bà Đồng Thị H cho rằng, bà thu được 33.500.000 đồng; ông Nguyễn Thành Đ thu được 17.500.000 đồng; sau khi trừ đi các khoản chi phí phát sinh 35.200.000 đồng, còn lại 15.800.000 đồng; mỗi người được lãi 7.900.000 đồng; ông Nguyễn Thành Đ phải đưa cho bà 9.600.000 đồng. Còn ông Nguyễn

Thành Đ cho rằng chuyển này bà Đồng Thị H tự mua, tự bán riêng, không liên quan đến ông nên ông không chấp nhận.

Về tiền vay nợ: Bà Đồng Thị H cho rằng ông Nguyễn Thành Đ nợ mình số tiền 8.000.000 đồng, cụ thể gồm các khoản: 3.000.000 đồng tiền ông Nguyễn Thành Đ vay để trả cho một người tên T1 ở xã N, huyện C1; 1.700.000 đồng tiền đi chuộc máy tời cây; 200.000 đồng tiền trả xe taxi; 100.000 đồng vay ngày 23/3/2019 và 3.000.000 đồng tiền mua cây của bà Đồng Kim L (là mẹ đẻ bà).

Ông Nguyễn Thành Đ cho rằng ông chỉ được vay bà Đồng Thị H số tiền 3.200.000 đồng, ông đã trả đủ cho bà, cụ thể các khoản: 1.200.000 đồng tiền mua cây của bà Đồng Kim L (là mẹ đẻ bà Đồng Thị H), ông đã thanh toán xong; 2.000.000 đồng tiền công cắt cây trả cho anh T1 ở xã N, huyện C1, ông đã gán chiếc xe máy nhãn hiệu Wave 50cc cho bà Đồng Thị H để trả khoản vay trên, hiện nay bà Đồng Thị H vẫn đang sử dụng.

Về yêu cầu bồi thường sức khỏe: Do hai bên chưa thanh toán với nhau về các khoản tiền nên ngày 23/6/2019, bà Đồng Thị H cùng ông Ngô Văn T đến nhà ông Nguyễn Thành Đ đòi nợ tiền thuê máy xúc là 14.000.000 đồng. Hai bên đã tranh cãi và xảy ra xô sát, kết quả bà Đồng Thị H bị thương tích Chấn động não, thiệt hại 02% sức khỏe. Nay bà Đồng Thị H đề nghị ông Nguyễn Thành Đ phải bồi thường tổng số 29.800.000 đồng, cụ thể: Tiền viện phí, chi phí giám định 5.600.000 đồng; tiền công do mất thu nhập 7 ngày x 300.000 đồng/ngày, là 2.100.000 đồng; tiền công người chăm sóc trong thời gian nằm viện 07 ngày x 300.000 đồng/ngày, là 2.100.000 đồng; khoản tiền về tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng. Còn ông Nguyễn Thành Đ không chấp nhận yêu cầu bồi thường về sức khỏe

Tại đơn phản tố ngày 22/6/2020, ông Nguyễn Thành Đ yêu cầu bà Đồng Thị H phải trả lại cho ông số tiền 25.300.000 đồng, cụ thể gồm các khoản: 8.000.000 đồng tiền ông bán 02 lọ lộc bình bằng gỗ mít cho bà Đồng Thị H; các tài sản ông còn để lại nhà bà Đồng Thị H tổng cộng 7.000.000 đồng (01 chiếc cửa máy giá trị 6.000.000 đồng; 01 bếp từ giá trị 350.000 đồng; 01 Dây cáp vải dùng để cẩu cây là 400.000 đồng; 01 Quạt điện là 150.000 đồng; Chảo, nồi gang là 600.000 đồng) và tiền lãi do bán 3 gốc cây Long não to là 9.800.000 đồng.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 07/7/2020, ông Ngô Văn T trình bày: Khoảng từ cuối năm 2018 đến đầu năm 2019, bà Đồng Thị H có thuê máy cẩu (máy xúc) của ông để đào gốc: Đợt 1 từ ngày 31/3/2019 đến ngày 13/4/2019, tổng cộng tiền công là 18.000.000 đồng; đợt 2 ngày 19/4/2019, thỏa thuận thuê buổi từ 14 giờ đến 22 giờ đêm, tiền công là 2.500.000 đồng; ngoài ra những lần thuê cẩu trước đó còn nợ 1.000.000 đồng tiền công. Tổng cộng bà Đồng Thị H còn nợ 21.500.000 đồng, nay ông yêu cầu bà Đồng Thị H phải trả lại số tiền này cho ông.

Bà Đồng Kim L (mẹ bà Đồng Thị H) trình bày: Khoảng tháng 02/2019, ông Nguyễn Thành Đ có đến nhà bà để mua 05 cây bạch đàn, 01 cây soan, 01 cây nhãn và 01 cây trám với giá 3.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Thành Đ phải trả lại cho con gái bà là Đồng Thị H số tiền 3.000.000 đồng tiền mua cây.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đồng Thị H, cụ thể:

1.1. Về yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại sức khỏe: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Đồng Thị H với ông Nguyễn Thành Đ: Ông Nguyễn Thành Đ phải bồi thường cho bà Đồng Thị H gồm các khoản tiền viện phí, chi phí giám định; tiền mất thu nhập nằm viện và người phục vụ 6 ngày nằm viện; tiền tổn thất tinh thần, bồi dưỡng sức khỏe, tổng cộng là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

1.2. Về đòi tiền nợ: Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà Đồng Thị H số tiền 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà Đồng Kim L số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu đòi tiền nợ của bà Đồng Thị H, bà Đồng Kim L đối với tiền bán cây là 1.600.000 đồng, do rút yêu cầu.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Đồng Thị H đòi lại tiền lãi mua bán cây số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền nợ 2.900.000 đồng (hai triệu chín trăm nghìn đồng) đối với ông Nguyễn Thành Đ.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố đòi lại tài sản của ông Nguyễn Thành Đ đối với bà Đồng Thị H số tiền 25.300.000 đồng (hai mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng), do rút yêu cầu.

3. Về yêu cầu độc lập của ông Ngô Văn T đòi tiền công thuê máy xúc:

Buộc bà Đồng Thị H và ông Nguyễn Thành Đ phải liên đới trả cho ông Ngô Văn T số tiền công thuê máy xúc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), trong đó bà Đồng Thị H phải trả 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng); ông Nguyễn Thành Đ phải trả 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu đối với số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng), do rút yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Đồng Thị H kháng cáo đề nghị sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà 20.000.000 đồng tiền lãi mua bán cây; 5.000.000 đồng tiền nợ. Về trách nhiệm trả tiền cho ông Ngô Văn T, chỉ đề nghị bà Đồng Thị H trả 7.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đồng Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2020/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Đồng Thị H kháng cáo trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng: Bà Đồng Thị H và ông Nguyễn Thành Đ có quan hệ quen biết và làm ăn chung từ tháng 3/2019. Quá trình làm ăn chung, bà Đồng Thị H xác định ông Nguyễn Thành Đ còn phải trả cho bà Đồng Thị H các khoản như sau:

Thứ nhất, về yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng tiền lãi do mua bán cây. Bà Đồng Thị H đưa ra yêu cầu trên nhưng không có văn bản giấy tờ chứng minh việc ông Nguyễn Thành Đ còn nợ bà số tiền lãi nêu trên, bảng kê số tiền mua bán làm ăn với ông Nguyễn Thành Đ do bà Đồng Thị H tự viết, ông Nguyễn Thành Đ không ký nhận. Do đó, phần kháng cáo này của bà Đồng Thị H là không có căn cứ chấp nhận.

Thứ hai, về yêu cầu Nguyễn Thành Đ trả đủ số tiền nợ 5.000.000 đồng. Bà Đồng Thị H cho rằng ông Nguyễn Thành Đ vay 3.000.000 đồng để trả cho một người tên T1 ở xã N, huyện C1; vay 1.700.000 đồng để đi chuộc máy tời cây; vay trả tiền xe Tắc xi 200.000 đồng và vay thêm 100.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh, ông Nguyễn Thành Đ chỉ thừa nhận được nợ bà Đồng Thị H 2.100.000 đồng (2.000.000 đồng trả ông Thắng, 100.000 đồng tiền taxi) nhưng đã trả đủ cho bà Đồng Thị H, tuy nhiên do không có tài liệu chứng minh, ông Nguyễn Thành Đ đồng ý trả 2.100.000 đồng cho bà Đồng Thị H nên bản án buộc ông Nguyễn Thành Đ trả bà Hiếu 2.100.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hiếu cũng thừa nhận việc cho ông Nguyễn Thành Đ vay tiền nhưng không lập giấy tờ, không có người làm chứng, do đó phần kháng cáo này của bà Hiếu cũng không có căn cứ chấp nhận.

Thứ ba, về khoản tiền 15.000.000 đồng trả cho ông Ngô Văn T. Bà Đồng Thị H, ông Nguyễn Thành Đ thừa nhận có được nợ ông Tới 15.000.000 đồng, nhưng ông Nguyễn Thành Đ xác định bà Đồng Thị H là người thuê thì bà Đồng Thị H phải trả, còn bà Đồng Thị H chỉ chấp nhận trả ông Ngô Văn T 7.000.000 đồng (trong tổng 14.000.000 đồng, còn 1.000.000 đồng ông Nguyễn Thành Đ tự nhận trả ông Ngô Văn T mà không hỏi ý kiến bà). Việc bà Đồng Thị H cho rằng ông Nguyễn Thành Đ tự nhận trả thêm ông Ngô Văn T 1.000.000 đồng là không có căn cứ, vì bà Đồng Thị H là người trực tiếp thuê và trả tiền thuê cho ông Ngô Văn T, bà Đồng Thị H cũng thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm về việc khoản nợ chưa trả ông Ngô Văn T là 15.000.000 đồng, nên bản án buộc sơ thẩm buộc bà Đồng Thị H trả 7.500.000 đồng cho ông Ngô Văn T là có căn cứ.

Từ các phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà Đồng Thị H, áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ

nguyên bản án sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự, người làm chứng: Phiên tòa đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngô Văn T; người làm chứng bà Liễu Thị Y, vắng mặt tuy nhiên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đồng Thị H đề nghị xem xét lại tiền lãi mua bán cây, tiền nợ và tiền công thuê máy xúc của ông Ngô Văn T thấy rằng: Việc mua bán kinh doanh cây cảnh là do hai bên thỏa thuận, tự nguyện làm ăn, hai bên cùng bỏ tiền gốc ra mua cây cảnh về, sau đó thông báo giá gốc cho bên còn lại để hai bên cùng thỏa thuận giá bán cho khách. Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh, lãi được bao nhiêu chia đôi, lỗ thì cùng chịu. Bà Đồng Thị H cho rằng giữa ông bà đã buôn bán kinh doanh 03 chuyến cây cảnh, chuyến thứ nhất lãi 17.780.000 đồng, chia đôi mỗi người được hưởng là 8.890.000 đồng; chuyến thứ hai lãi 2.765.000 đồng, chia đôi mỗi người được hưởng là 1.382.500 đồng; chuyến thứ ba lãi 15.800.000 đồng, chia đôi mỗi người được hưởng 7.900.000 đồng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Thành Đ đã cầm tiền bán hàng của khách nhiều hơn số tiền bà thu về nên bà chưa nhận được tiền lãi bán cây tổng là 20.000.000 đồng. Xét thấy, quá trình làm ăn buôn bán hai bên tự thỏa thuận bằng miệng, không thể hiện bằng văn bản nên những chứng cứ bà Đồng Thị H đưa ra là không có cơ sở. Ông Nguyễn Thành Đ thừa nhận là hai bên có việc chi tiền, thu tiền mua bán cây nhưng sau mỗi đợt mua bán hai bên đã tính toán trừ chi phí và chia tiền lãi xong, không còn nợ nần gì nhau. Điều này là phù hợp bởi ngoài lời khai tại Tòa, bà Đồng Thị H không có bất cứ tài liệu, giấy tờ chứng minh về việc nhận nợ giữa ông Nguyễn Thành Đ và bà. Hai bên không có sổ sách ký nhận, thể hiện việc mua bán cây, các chi phí phát sinh và tiền bán cho khách nên không có căn cứ để Hội đồng xem xét đến nội dung kháng cáo trên.

[3] Về tiền vay nợ: Quá trình lấy lời khai tại Tòa, bà Đồng Thị H cho rằng ông Nguyễn Thành Đ đã vay của bà 8.000.000 đồng, trong đó có: 3.000.000 đồng tiền ông Nguyễn Thành Đ vay để trả cho một người tên T1 ở xã N, huyện C1; 1.700.000 đồng tiền đi chuộc máy tời cây; 200.000 đồng tiền trả xe taxi; 100.000 đồng vay ngày 23/3/2019 và 3.000.000 đồng tiền mua cây của bà Đồng Kim Loan. Ngoài lời khai, bà Đồng Thị H không xuất trình thêm được căn cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Xét thấy, việc vay mượn giữa bà Đồng Thị H và ông Nguyễn Thành Đ chỉ là lời nói miệng, không thể hiện bằng văn bản, tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành Đ chỉ thừa nhận được vay bà Đồng Thị H 2.100.000 đồng. Cấp sơ thẩm đã buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà Đồng Thị H 2.100.000 đồng.

[4] Đối với số tiền 3.000.000 đồng tiền bà Đồng Kim L cho rằng ông Nguyễn Thành Đ mua của bà 05 cây bạch đàn, 01 cây soan, 01 cây nhãn, 01 cây trám nhưng chưa trả tiền. Thấy rằng, việc mua bán giữa các đương sự là không có giấy tờ nên không có căn cứ để xem xét. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thành Đ thừa nhận chỉ được mua tiền cây hết 1.400.000 đồng tuy nhiên đã trả tiền cho bà Đồng Kim Loan. Xét thấy, việc trả số tiền 1.400.000 đồng, ông Nguyễn Thành Đ không đưa ra được căn cứ chứng minh nên cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thành Đ phải trả cho bà Đồng Thị H 1.400.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với tiền công thuê máy xúc của ông Ngô Văn T: Tại phiên tòa, bà Đồng Thị H và ông Nguyễn Thành Đ đều thừa nhận trong thời gian buôn bán kinh doanh cây cảnh, có được thuê máy xúc của ông Ngô Văn T để cẩu cây bán cho khách; các bên tự thỏa thuận số tiền thuê công là 15.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm buộc bà Đồng Thị H, ông Nguyễn Thành Đ mỗi người phải trả cho ông Ngô Văn T 7.500.000 đồng là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Đồng Thị H; cần giữ nguyên nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đồng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đồng Thị H; giữ nguyên nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí

Bà Đồng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, xác nhận bà Đồng Thị H đã nộp đủ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 2375 ngày 23/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND tp L, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS tp L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuệ